

Đề thi chính thức

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1) Về kiến thức

- Nhằm kiểm tra kiến thức học sinh đã đạt được ở các nội dung đã học trong chương trình học kì I môn GDCC khối 10, từ đó học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của môn học.
- Giúp giáo viên nắm được tình hình học tập của lớp, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó giữ hoặc điều chỉnh kế hoạch dạy học cho phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

2) Về kĩ năng

- Nhận biết và thông hiểu các khái niệm liên quan đến nội dung bài học.
- Vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống, từ đó rút ra được bài học cho bản thân.
- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các sự vật hiện tượng diễn ra trong đời sống xã hội thông qua việc vận dụng các kiến thức đã học ở phần Triết học.

3) Về thái độ

- Có ý thức về việc tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề của cuộc sống căn cứ trên các quan điểm Triết học.
- Biết phân tích các sự vật hiện tượng căn cứ trên các kiến thức đã học được ở phần Triết học.

4) Năng lực cần hướng tới

- Năng lực chung: nhận thức, tìm hiểu các tri thức liên quan đến nội dung đã học; năng lực xử lí tình huống, giải quyết tình huống.
- Năng lực chuyên biệt: biết vận dụng kiến thức để xem xét các hiện tượng trong giới tự nhiên và đời sống xã hội; biết vận dụng kiến thức để phân tích và điều chỉnh hành vi của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

- Bài 1: Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.
- Chủ đề 1: Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất (Gồm nội dung các bài 3, 4, 5, 6).

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Kiểm tra theo lịch thi của nhà trường.
- Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận theo tỉ lệ: trắc nghiệm 40% - tự luận 60%.

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

A. Ma trận phần TRẮC NGHIỆM

Mức độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Ghi chú
Bài 1: Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.	Biết được thế giới quan và phương pháp luận.	Hiểu và phân biệt được các loại thế giới quan và phương pháp luận.	So sánh, phân biệt các loại thế giới quan và phương pháp luận.	Vận dụng vào đời sống, về sự thống nhất giữa TGQDV và PPLBC.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	1 0,25 2,5%				
Chủ đề 1 (nội dung 1) - Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất.	Biết thế giới vật chất luôn tồn tại và phát triển.	Hiểu được vận động là phương thức tồn tại và phát triển của thế giới vật chất.	Vận dụng vào ví dụ để sắp xếp các hình thức vận động, phát triển.	Vận dụng sự vận động và phát triển của thế giới vật chất vào thực tiễn đời sống.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:			3 0,75 7,5%		
Chủ đề 1 (nội dung 2) - Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.	Biết được thế nào là mâu thuẫn.	Hiểu được mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.	Phân tích được mâu thuẫn trong đời sống xã hội.	Vận dụng giải quyết những vấn đề liên quan.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:				1 2,5 2,5%	
Chủ đề 1 (nội dung 3) - Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.	Biết được khái niệm lượng, chất, phân biệt chúng.	Hiểu mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng, chất.	Vận dụng vào các ví dụ.	Vận dụng thực tiễn giải quyết vấn đề.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	2 0,5 5%	1 0,25 2,5%			
Chủ đề 1 (nội dung 4) -	Biết được thế nào là phủ	Hiểu khuynh hướng phát	Vận dụng quan điểm	Vận dụng vào thực tiễn trong	

Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng.	định biện chứng và phủ định siêu hình.	triển của sự vật, hiện tượng.	phân tích ví dụ.	cuộc sống.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	2 0,5 5%	5 1,25 12,5%			
Chủ đề 1 (nội dung 5) – Vận dụng			Vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích các tình huống trong học tập.	Vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn cuộc sống.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:				1 0,25 2,5%	
Tổng số câu: 16 Tổng số điểm: 4 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 5 Số điểm: 1,25 Tỉ lệ: 12,5%	Số câu: 6 Số điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 3 Số điểm: 0,75 Tỉ lệ: 7,5%	Số lượng: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%	

B. Ma trận phân TỰ LUẬN

Mức độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Ghi chú
Chủ đề 1 (nội dung 3) - Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.	Biết được khái niệm lượng, chất, phân biệt chúng.	Hiểu mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng, chất.	Vận dụng vào các ví dụ.	Vận dụng thực tiễn giải quyết vấn đề.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:		1 3 50%			
Chủ đề 1 (nội dung 4) - Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện	Biết được thế nào là phủ định biện chứng và phủ định siêu hình.	Hiểu khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng.	Vận dụng quan điểm phân tích ví dụ.	Vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống.	

tượng.					
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	1 1 16,66%		1 1 16,66%		
Chủ đề 1 (nội dung 5) – Vận dụng			Vận dụng các kiến thức đã học vào việc nêu ví dụ, phân tích các ví dụ tình huống trong học tập.	Vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn cuộc sống.	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:				1 1 16,66%	
Tổng số câu: 2 Tổng số điểm: 6 Tỉ lệ: 60%	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	Số lượng: 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	

Đề thi chính thức

ĐÁP ÁN TỰ LUẬN (6 điểm)

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1: Em hãy cho biết mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất? (3 điểm). Trong học tập và rèn luyện chúng ta cần phải làm gì để vận dụng tốt quy luật lượng – chất? (1 điểm).	Mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất: — Sự biến đổi về chất bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi về lượng. Lượng biến đổi dần dần. (1 điểm) — Quá trình biến đổi ấy đều có ảnh hưởng đến trạng thái chất của sự vật, hiện tượng nhưng chất của sự vật, hiện tượng chưa biến đổi ngay. (1 điểm) — Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định, phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì chất mới ra đời thay thế chất cũ, sự vật mới ra đời thay thế sự vật cũ. (1 điểm) Trong học tập và rèn luyện chúng ta cần: — Kiên trì, nhẫn nại, không coi thường việc nhỏ (0.5 điểm) — Mọi hành động nôn nóng hoặc nửa vời đều không đem lại kết quả như mong muốn (0.5 điểm)	4 điểm
Câu 2: Thế nào là phủ định biện chứng? (1 điểm). Cho 1 ví dụ và phân tích rõ các yếu tố của phủ định biện chứng trong ví dụ ấy? (1 điểm).	Phủ định biện chứng là: — Sự phủ định được diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật hiện tượng. (0,5 điểm) — Có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật hiện tượng cũ để phát triển sự vật và hiện tượng mới. (0,5 điểm) Ví dụ: — Nêu ví dụ phù hợp (0,5 điểm) — Phân tích ví dụ: • Sự phủ định được diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật hiện tượng. (0,25 điểm) • Có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật hiện tượng cũ để phát triển sự vật và hiện tượng mới. (0,25 điểm)	2 điểm